

Trong số này

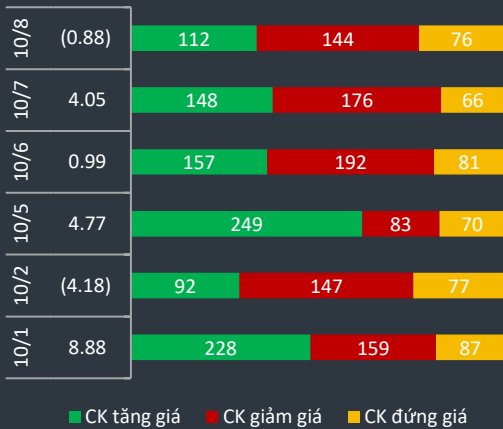
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

HPG	60.6
MBB	19.9
DPM	15.8
VCB	15.5
FUEVFNVD	9.1
SSI	8.1
HCM	8.0
VSC	6.6
KDC	4.4
BFC	4.2
SAB	3.7
TCL	(8.2)
GVR	(10.2)
CTD	(10.4)
VGG	(11.6)
PVD	(11.6)
NBB	(11.7)
KBC	(18.1)
BID	(25.2)
VNM	(35.8)

Dòng tiền giao dịch vẫn ở mức khá trên 7,100 tỷ tại sàn HOSE nhưng đã tăng thị trường đang chậm lại. HPG vẫn dẫn đầu giao dịch với hơn 18 triệu cổ phiếu chuyển nhượng, xếp sau là những gương mặt mới TCB, MSN và STB. Trong khi MSN đã có 4 phiên tăng liên tiếp từ 54 lên 64 thì TCB lại giảm từ 22.9 về 21.3. Ở nhóm blue chip nổi bật nhất là GVR xanh trở lại 4% cùng với PNJ, MWG và FPT. Những blue chip giảm mạnh nhất trong ngày hầu hết đến từ nhóm ngân hàng như TCB, EIB, VPB, STB dù mức giảm không đáng kể.

Dòng tiền đang hướng vào nhóm cổ phiếu Mid cap và Penny nhiều hơn mà điển hình là nhóm DIG, FLC, ITA. Trong ngày nhóm cổ phiếu phân bón nổi sóng trở lại ở hàng loạt mã như DPM, DCM, LAS, BFC đều tăng mạnh từ 2% - 5%. Nhờ nhiều yếu tố thuận lợi tăng sản lượng tiêu thụ và yếu tố đầu vào giảm nên nhiều doanh nghiệp có kết quả lạc quan năm nay. Như DPM khả năng doanh thu và lợi nhuận 9 tháng đầu năm có thể đạt gần 6,000 tỷ và 650 tỷ đồng tăng mạnh so với 143 tỷ cùng kỳ.

Một Big cap vừa công bố sơ bộ kết quả 9 tháng đầu năm là PV Gas với tổng doanh thu ước đạt gần 49.500 tỷ đồng, bằng 107% kế hoạch 9 tháng. Lợi nhuận sau thuế đạt trên 6.000 tỷ đồng, bằng 127% kế hoạch 9 tháng và thực hiện khoảng 90% kế hoạch cả năm. Tuy nhiên, lãi 9 tháng năm nay vẫn giảm khoảng 34% so với cùng kỳ năm 2019. Các chỉ tiêu tài chính thấp hơn cùng kỳ chủ yếu do sản lượng khí vào bờ giảm 12%, giá dầu Brent trung bình giảm 37%, giá dầu FO trung bình giảm 40%, giá trung bình của LPG giảm 10%. Giá GAS xanh nhẹ trong nhẹ trong ngày lên 74.6. Khối ngoại mua ròng nhẹ 20 ngàn GAS so với các phiên trước bán ròng.

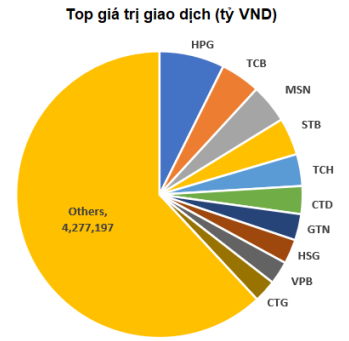
Khối ngoại trong ngày gần 60 tỷ đồng tập trung ở các cổ phiếu VNM(-35.8 tỷ), BID(-25.2 tỷ), KBC(-18.1 tỷ), NBB(-11.7 tỷ). Đã trải qua 11 phiên bán ròng liên tiếp với tổng giá trị bán ròng khoảng 2,700 tỷ đồng. Đây là phiên mà khối ngoại bán ra ít nhất và mua vào đáng kể một số cổ phiếu như HPG, MBB, DPM, VCB, SSI.

Vnindex 918.84

▼ -0.88 (-0.1%)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
GVR	13.3	500	3.92
MSN	63.9	2,000	3.23
PNJ	62.8	1,700	2.78
MWG	109.5	1,900	1.77
FPT	51.1	700	1.39
HPG	28.1	300	1.08
GAS	74.6	500	0.67
CTG	27.2	150	0.56
MBB	17.7	50	0.28
REE	41.5	100	0.24
BVH	49.9	-	-
DHG	105.0	-	-
VJC	104.0	-	-
HVN	26.7	-	-
HNG	12.2	-	-
BID	40.4	(50)	(0.12)
BCM	40.3	(50)	(0.12)
NVL	63.0	(100)	(0.16)
PLX	49.8	(100)	(0.20)
VIC	92.3	(200)	(0.22)
VCB	84.8	(200)	(0.24)
VHM	76.6	(200)	(0.26)
POW	10.5	(50)	(0.47)
VRE	27.7	(150)	(0.54)
TPB	24.6	(150)	(0.61)
HDB	24.5	(200)	(0.81)
VNM	106.9	(1,100)	(1.02)
SAB	188.0	(2,000)	(1.05)
STB	13.6	(150)	(1.09)
VPB	23.5	(300)	(1.26)
KDH	24.3	(350)	(1.42)
EIB	17.2	(300)	(1.72)
TCB	21.4	(450)	(2.06)



Chỉ số Vnindex đã tạm nghỉ ngơi sau khi đã tăng 10 điểm trong 3 phiên trước đó. Thanh khoản vẫn cao nhưng đã có sự phân hóa mạnh dựa trên kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp. Cổ phiếu có kỳ vọng tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận đã bắt đầu phát tín hiệu tích cực mà điển hình là trong vài phiên gần đây nhóm cổ phiếu thép và phân bón. Tuy nhiên điều này cũng dẫn đến một yếu tố rủi ro là khi kết quả công bố thì cổ phiếu đã mất dần động lực tăng và chịu áp lực bán chốt lời.

Chỉ số index đang di chuyển chậm lại sau khi gần đến vùng 930 – 940 là ngưỡng đầu năm trước khi có dịch bệnh diễn ra. Tín hiệu phân kỳ đã xuất hiện trên đường RSI cho thấy động lực thị trường đang yếu dần. Tín hiệu này không phải lúc nào cũng cho chỉ báo đúng nhưng là dấu chỉ cảnh báo đầu tiên cần lưu ý. Nhà đầu tư nên ưu tiên bán chốt lời ở những phiên xanh mạnh và việc tích lũy thêm cần chờ ở những phiên điều chỉnh mạnh. Một số cổ phiếu đã có thể chờ chốt lãi dần khi đã gần đạt mục tiêu lợi nhuận như MWG, HDG, HSG.

Cổ phiếu quan tâm:

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Vùng Mua	Close / Support
MBB	17.7	2.30	17	22	Mua quanh 18. Mục tiêu 22-24	4.1%
TV2	47.3	(1.30)	45	60	Mua quanh 45-48. Mục tiêu 60	5.1%
DPM	17.6	(1.10)	16	20	Mua quanh 16-17. Mục tiêu 20-22	10.0%
D2D	71.8	(1.00)	65	85	Mua mới quanh 70. Mục tiêu 85	10.5%
FPT	51.1	0.60	45	60	Mua quanh 50. Mục tiêu 60	13.6%
ACB	23.2	3.10	20	26	Nắm giữ. Mục tiêu 26	16.0%
VPB	23.5	(2.70)	20	28	Mua quanh 22-23. Mục tiêu 28	17.5%
GVR	13.3	7.30	10.5	14	Nắm giữ. mục tiêu 15	26.7%
TLG	36.7	4.30	28	45	Nắm giữ. Mục tiêu 42	31.1%
HPG	28.1	4.10	21	30	Nắm giữ. Mục tiêu 32	33.8%
VCB	84.8	-	60	95	Nắm giữ. Mục tiêu 95	41.3%
HDG	25.5	0.80	18	26	Nắm giữ 20-22. Mục tiêu 27	41.7%
PHR	58.1	(0.30)	38	65	Mua quanh 55-56. Mục tiêu 65	52.9%
HSG	15.8	(0.30)	9.5	17	Nắm giữ. Mục tiêu 17	66.3%
MWG	109.5	4.30	62	100	Nắm giữ. Mục tiêu nâng 115	76.6%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

VSC	2.70
VSC	2.70
PNJ	2.78
BFC	3.00
DPM	3.23
MSN	3.23
DCM	3.42
LCG	3.94
PET	4.31
TCL	4.31
CTF	5.26
TTF	6.97
KSH	11.11

Top tăng giá HNX

TIG	2.90
TDT	2.91
HUT	3.57
ITQ	4.17
TXM	4.76
MPT	5.00
SVN	5.00
NGC	5.56
TVC	7.95
DZM	8.57
TA9	9.47
ADC	9.68
LAS	10.00
ACM	10.00

GAS - Tổng Công ty Khí Việt Nam - Tổng doanh thu ước đạt gần 49.500 tỷ đồng, bằng 107% kế hoạch 9 tháng. Lợi nhuận sau thuế đạt trên 6.000 tỷ đồng, bằng 127% kế hoạch 9 tháng và thực hiện khoảng 90% kế hoạch cả năm. Tuy nhiên, lãi 9 tháng năm nay vẫn giảm khoảng 34% so với cùng kỳ năm 2019.

VSN - Công ty cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản – Đã thông qua việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch năm 2020. Theo đó, doanh nghiệp dự kiến thực hiện điều chỉnh tổng doanh thu là 5.100 tỷ đồng, giảm 9% so với kế hoạch đầu năm là 5.580 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế vẫn giữ là 180 tỷ đồng.

NBB - CTCP Đầu tư Năm Bảy Bảy - Thông báo đăng ký mua hơn 15,07 triệu cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ từ ngày 16/10 đến 13/11 theo phương thức khớp lệnh. Giá mua theo giá thị trường, nhưng không quá 25.000 đồng/cổ phiếu.

DHA - CTCP Hóa An - Ngày 21/10 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 2 năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 22/10. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 15%, thanh toán bắt đầu từ ngày 12/11/2020.

VCF - CTCP Vinacafé Biên Hòa - Ngày 06/10, HĐQT đã thông qua nghị quyết tạm ứng cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 250%. Chi tiết sẽ được thông báo sau.

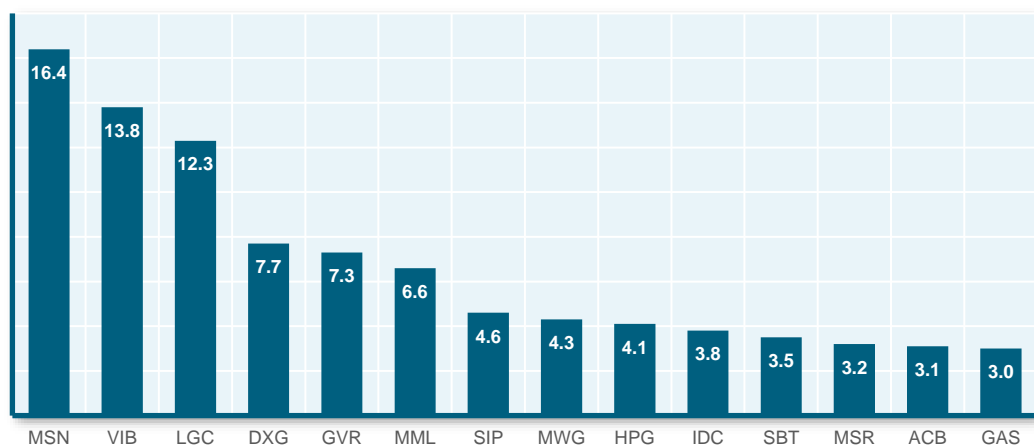
SGR - CTCP Địa ốc Sài Gòn - Ngày 14/10 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2019, ngày đăng ký cuối cùng là 15/10. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ gần 10,25%, thanh toán bắt đầu từ ngày 30/11/2020. Cổ tức bằng cổ phiếu được trả theo tỷ lệ 100 - 31,75255, tương ứng SGR sẽ phát hành thêm hơn 14,46 triệu cổ phiếu mới.

VSH - Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh - Doanh nghiệp dự kiến bán ra 969.560 cổ phiếu tại Du lịch Bình Định với giá khởi điểm là 120.000 đồng/cổ phiếu, ước tính giá khởi điểm cả lô là 116,3 tỷ đồng. Doanh nghiệp giao Tổng giám đốc thực hiện các bước tiếp theo để thực hiện thoái vốn.

TCL - CTCP Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng - Ngày 27/10 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức lần 3 năm 2019, ngày đăng ký cuối cùng là 28/10. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 30%, thanh toán trong tháng 11/2020.



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Cổ phiếu đang chạm các vùng hỗ trợ:

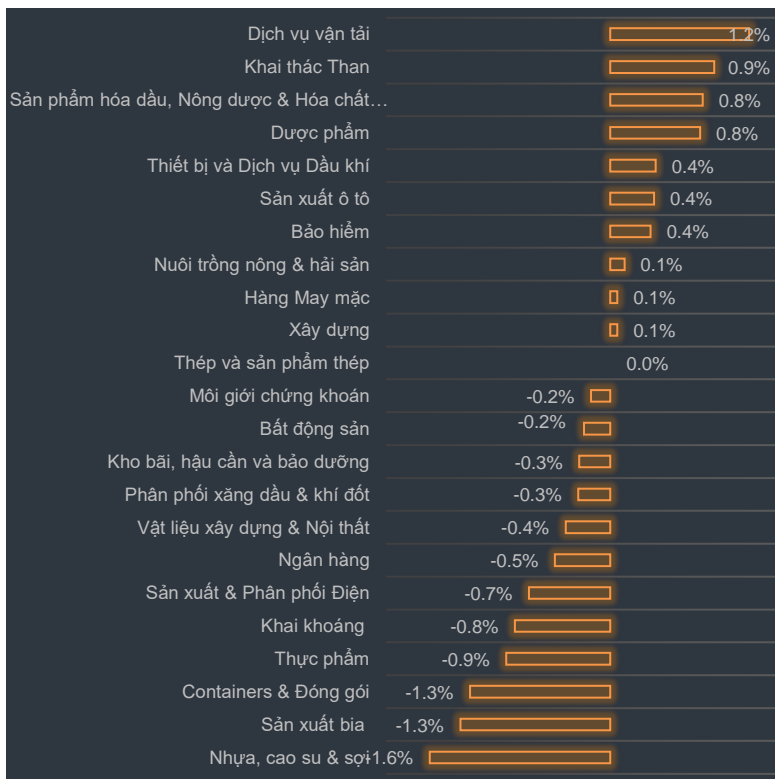
Ticker	Close	% 1D	Đáy	Tăng so với Đáy	So với đỉnh 1Y	Vol 3T	RSI	StochK
CTD	61.1	0.99	43.30	41.1%	33.20	840,751	24.5	1.5
DCL	19.3	0.00	17.70	9.0%	65.80	63,796	37.6	8.1
PLX	49.8	(0.20)	33.70	47.8%	12.40	949,681	48.7	8.8
NHH	52.5	0.00	35.30	48.7%	17.10	183,559	44.9	13.7
IMP	47.7	0.00	34.50	38.3%	6.50	112,700	48.7	13.7
GEX	22.6	(3.00)	13.40	68.7%	15.30	6,655,452	39.3	15.3
NVL	63	(0.16)	51.00	23.5%	3.30	1,385,333	43.9	16.1
FTS	13.3	(1.12)	8.80	51.1%	15.10	356,757	44.3	17.6
BWE	25.9	(0.38)	16.00	61.9%	2.70	284,036	44.9	18.4
VIC	92.3	(0.22)	71.50	29.1%	32.70	533,100	50.1	20.1
DBC	46.5	(0.21)	13.30	249.6%	18.00	2,554,629	48.0	21.8
VJC	104	0.00	94.50	10.1%	42.50	417,168	45.3	24.0
SAM	10.4	(2.80)	7.90	31.6%	9.60	86,234	33.0	24.2
GTN	25.3	(3.62)	13.00	94.6%	5.50	2,568,071	43.7	29.5
GTN	25.3	(3.62)	13.00	94.6%	5.50	2,568,071	43.7	29.5
TCB	21.4	(2.06)	14.90	43.6%	17.80	3,317,133	43.5	32.4
HVN	26.7	0.00	17.80	50.0%	37.00	653,315	54.0	36.1
TIG	7.1	2.90	4.30	65.1%	7.00	996,457	55.7	37.5
PVI	29.9	0.00	24.70	21.1%	5.90	50,938	46.4	40.7
VRE	27.7	(0.54)	17.70	56.5%	28.80	2,641,989	48.0	43.4
NTP	33	(1.49)	21.90	50.7%	3.30	34,973	53.8	43.8
VHM	76.6	(0.26)	54.80	39.8%	29.90	1,857,710	46.3	44.1
PDR	38.5	(0.77)	21.20	81.6%	6.20	1,197,844	59.9	44.2
HND	18.2	0.00	12.20	49.2%	6.60	98,509	47.8	44.4



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	TMX	HNX	29/10/2020	30/10/2020	13/11/2020	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	PHN	HNX	29/10/2020	30/10/2020	12/11/2020	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	VSC	HOSE	27/10/2020	28/10/2020	18/11/2020	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	C21	UPCoM	23/10/2020	26/10/2020	10/11/2020	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	HD8	UPCoM	22/10/2020	23/10/2020	24/11/2020	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	DHA	HOSE	21/10/2020	22/10/2020	12/11/2020	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	SMC	HOSE	20/10/2020	21/10/2020	30/10/2020	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	HU3	HOSE	20/10/2020	21/10/2020	27/10/2020	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, 900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	SLS	HNX	19/10/2020	20/10/2020	10/11/2020	Trả cổ tức đợt 2/2019 bằng tiền, 7,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	PSE	HNX	16/10/2020	19/10/2020	30/10/2020	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	HCC	HNX	15/10/2020	16/10/2020	30/10/2020	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, 1,900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	TXM	HNX	14/10/2020	15/10/2020	11/11/2020	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, 150 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	BVS	HNX	14/10/2020	15/10/2020	19/11/2020	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	SPC	UPCoM	14/10/2020	15/10/2020	30/10/2020	Trả cổ tức đợt 2/2019 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	LAW	UPCoM	14/10/2020	15/10/2020	30/10/2020	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, 1,798 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	CCL	HOSE	14/10/2020	15/10/2020	25/12/2020	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	HII	HOSE	14/10/2020	15/10/2020		Trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
18	THI	HOSE	12/10/2020	13/10/2020	23/10/2020	Trả cổ tức đợt 2/2019 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	TL4	UPCoM	09/10/2020	12/10/2020	26/10/2020	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, 850 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	L12	UPCoM	09/10/2020	12/10/2020	30/10/2020	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	SNZ	UPCoM	08/10/2020	09/10/2020	28/10/2020	Trả cổ tức đợt 2/2019 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	DMC	HOSE	08/10/2020	09/10/2020	22/10/2020	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, 2,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	BMP	HOSE	07/10/2020	08/10/2020	23/10/2020	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 2,840 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	PHC	HOSE	07/10/2020	08/10/2020	28/10/2020	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	VET	UPCoM	07/10/2020	08/10/2020	06/11/2020	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, 2,800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	HLE	UPCoM	05/10/2020	06/10/2020	15/10/2020	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	PMC	HNX	05/10/2020	06/10/2020	20/10/2020	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	MBB	HOSE	05/10/2020	06/10/2020		Trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Trả cổ tức bằng cổ phiếu

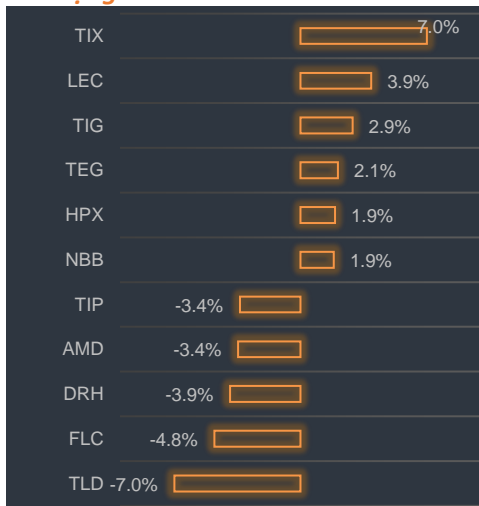
Tăng giảm ngành trong ngày



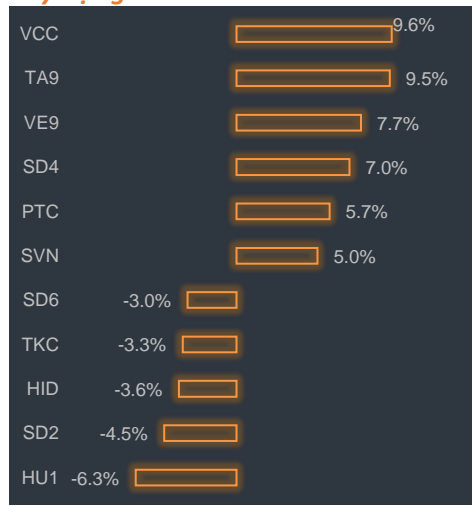
Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

Bất động sản:	TIX, LEC, TIG
Xây dựng:	VCC, TA9, VE9
Dầu khí:	PVS, SFC, PVD
Chứng khoán:	VCI, SHS, HCM
Ngân hàng:	CTG, MBB, NVB

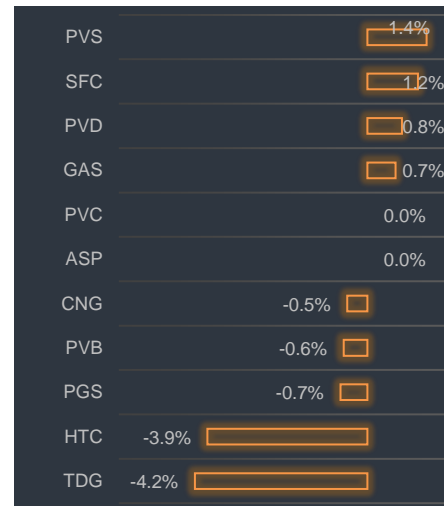
Bất động sản



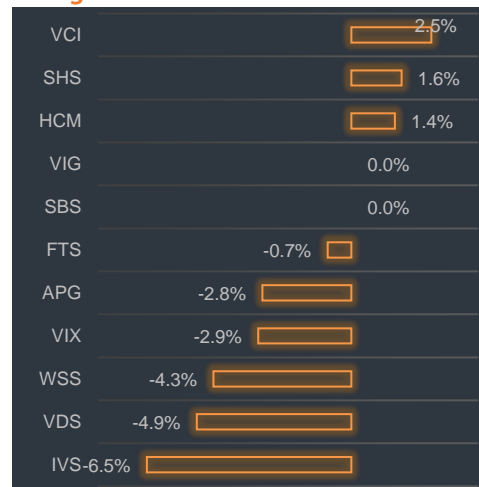
Xây dựng



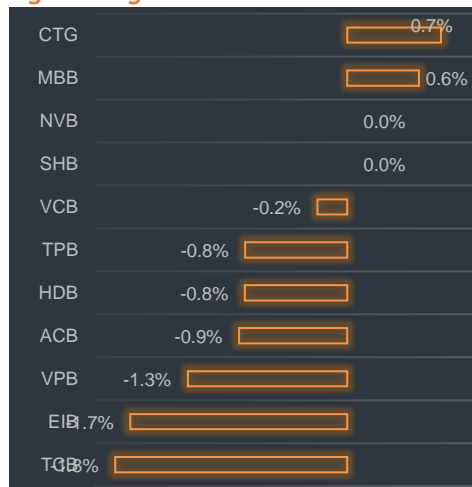
Dầu khí



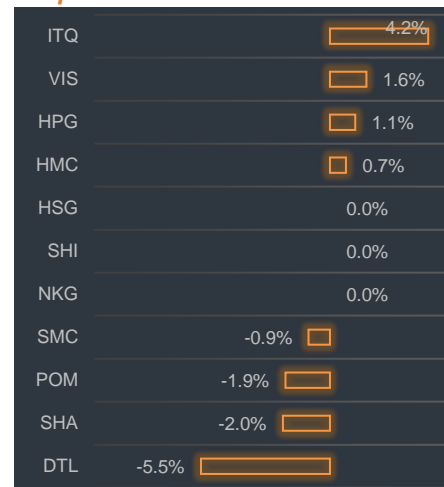
Chứng khoán



Ngân hàng



Thép





BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.



Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931